

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **11/2022/HS-PT**

Ngày: 30-3-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng.

Các Thẩm phán: Bà Bạch Thị Hồng Hoa.

Ông Nguyễn Thanh Tùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Đức Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 03/2022/TLPT-HS ngày 26 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Tiến T do có kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

- Bị cáo không có kháng cáo, bị kháng cáo, không bị kháng nghị:

Nguyễn Tiến T, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1956 tại huyện T, TP. H.

Nơi cư trú: Xóm D, xã M, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình; nghề nghiệp: Hưu trí; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tiến Đ và bà Bùi Thị T (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1956 và 03 con (con lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1989); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

+ **Bị hại có kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1956; nơi cư trú: Xóm K, xã L, huyện L, tỉnh H; có mặt.

+ **Người làm chứng:**

1. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1956; nơi cư trú: Xóm Đ, xã H, huyện L, tỉnh H; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956; nơi cư trú: Xóm K, xã L, huyện L, tỉnh H; có mặt.

3. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1979; vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1974; vắng mặt.

Đều cư trú tại: Xóm G, xã M, TP. H, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ ngày 13/4/2021, bà Nguyễn Thị B đi từ nhà sang nhà bà Nguyễn Thị V (là em gái ruột của bà B) ở xóm K, xã L, huyện L, tỉnh H. Khi đi bà B cầm theo một chiếc roi bằng thân cây mây còn tươi dài 01 mét, đầu tay cầm được cuộn tròn, một đầu có nhiều gai nhỏ, tình trạng còn tươi, có khối lượng 0,2 kilogram. Khi đi đến đầu đường vào nhà bà V thì thấy xe ô tô của ông Nguyễn Văn V, chở vật liệu xây dựng cho gia đình bà Nguyễn Thị N đi vào và đổ vật liệu xây dựng xuống khu vực xây, kè của gia đình bà N. Lúc đó, gia đình bà N có thuê nhóm thợ gồm anh Nguyễn Văn T, anh Nguyễn Văn B, bà Hà Thị L và một số người khác (chưa rõ tên tuổi) đang xây, kè tường bao ở đó. Thấy vậy, bà B chửi bới, to tiếng với bà N và Nguyễn Tiến T (chồng bà N) về việc xe ô tô chở vật liệu xây dựng đi và đổ vật liệu làm hỏng đường đi vào nhà bà V. Sau đó, Nguyễn Tiến T nhặt một chiếc xẻng cán bằng gỗ dài 103 centimet, lưỡi xẻng bằng kim loại rộng 20 centimet, dài 37 centimet của bà Hà Thị L đang để ở khu vực xây kè lao vào đập trúng chân phải, chân trái và tay trái của bà B. Lúc này bà B trên tay cầm sẵn roi bằng thân cây mây vụt trúng vào đầu, bàn tay trái của T.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 74/TgT ngày 27/4/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hòa Bình kết luận Nguyễn Thị B:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định: Gãy 1/3 giữa xương trụ trái, nhiều vết bầm tím trên cơ thể.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 10%.

3. Đặc điểm vật gây thương tích: Vật tày."

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 73/TgT ngày 27/4/2021 của Trung tâm pháp y thuộc Sở Y tế tỉnh Hòa Bình kết luận Nguyễn Tiến T:

"1. Dấu hiệu chính qua giám định: Chấn động não điều trị ổn định; nhiều vết xây xước nhỏ đóng vảy tại ngón II, III, IV bàn tay trái.

2. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 02%.

3. Đặc điểm vật gây thương tích: Vật tày, vật nhọn."

Bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình quyết định: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s, i, x khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65; Điều 48, Điều 47 của Bộ luật hình sự. Điều 584, 590 của Bộ luật dân sự. Điều 106, Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử phạt Nguyễn Tiến T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích. Thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến T còn phải bồi thường cho bà Nguyễn Thị B số tiền 16.247.375đ (sau khi đã đối trừ số tiền bị hại phải bồi thường cho bị cáo). Xác nhận bị cáo đã nộp 10.000.000đ theo biên lai số 000216 ngày 06/12/2021 tại Chi cục Thi hành án huyện L. Nay còn phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 6.247.375đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm quyết định về xử lý vật chứng, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu và nghĩa vụ thi hành án.

Ngày 30/12/2021, bị hại Nguyễn Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng hình phạt và tuyên phạt tù giam đối với bị cáo Nguyễn Tiến T, không nhất trí việc Tòa án tuyên bị hại phải bồi thường cho bị cáo số tiền 8.000.000đ, đề nghị tăng bồi thường, yêu cầu bị cáo phải bồi thường cho bị hại số tiền 500.000.000đ, không nhất trí lời khai của những người làm chứng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị hại Nguyễn Thị B giữ nguyên nội dung trong đơn kháng cáo và trình bày, giữa gia đình bị cáo và bị hại thường xuyên có mâu thuẫn, bị hại là người cao tuổi nên khi bị thiệt hại về sức khỏe từ đó đến nay thấy trái nặng trĩu trời hay bị đau và tê buốt, do vậy bị hại đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến: Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn xử phạt Nguyễn Tiến T 15

tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý gây thương tích theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét kháng cáo của người bị hại về tăng hình phạt chuyển tù giam đối với bị cáo, xét bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nên cấp sơ thẩm xem xét cho hưởng án treo là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ để tăng hình phạt và chuyển tù giam đối với bị cáo; Đối với kháng cáo đề nghị xem xét lại các lời khai người làm chứng, xét quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai người làm chứng theo đúng trình tự, thủ tục luật định, các nhân chứng đều khai báo trung thực những tình tiết mà mình biết, do đó không có căn cứ để cho rằng những người làm chứng khai báo không đúng; Đối với kháng cáo yêu cầu tăng bồi thường, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm quyết định về phần bồi thường cho bị hại chưa phù hợp, nên đề nghị hội đồng xét xử tăng phần tổn thất tinh thần từ 05 tháng, lên 10 tháng lương tối thiểu; Đối với kháng cáo không đồng ý bồi thường thiệt hại của người bị hại, xét việc bị hại có gây thương tích 2% cho bị cáo, đây là lỗi của người bị hại, do vậy bị hại phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị hại, sửa bản án Hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và quá trình thẩm tra, tranh tụng và tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại, người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Về hành vi, quyết định của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện L; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Tiến T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cụ thể: Vào khoảng 08 giờ ngày 13/4/2021, Nguyễn Tiến T đã dùng xẻng cán bằng gỗ dài 103 centimet, lưỡi xẻng bằng kim loại rộng 20 cm, dài 37 cm, đập trúng chân phải, chân trái và làm gãy tay trái của bị hại Nguyễn Thị B. Các vết thương đã làm bị hại tổn thương cơ thể là 10%.

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm; phù hợp với lời khai của bị hại; biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh; biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu; biên bản xem xét dấu vết thân thể, kết luận giám định đối với bị hại. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định Nguyễn Tiến T đã có hành vi cố ý gây thương tích cho bị hại Nguyễn Thị B. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T về tội Cố ý gây thương tích là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo tăng hình phạt của bị hại Nguyễn Thị B:

Với hành vi gây thương tích 10% cho bị hại của bị cáo Nguyễn Tiến T, thuộc trường hợp lỗi hỗn hợp và ít nghiêm trọng. Khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt, sau khi sự việc xảy ra đã đi đầu thú, bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền bồi thường thiệt hại và khắc phục một phần hậu quả cho bị hại, bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là người có công với cách mạng, hiện đang hưởng chế độ chất độc hóa học trong chiến tranh, phạm tội có một phần lỗi của bị hại. Đây là những tình tiết quy định tại điểm b, i, s, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Do có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên căn cứ Nghị quyết 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách 30 tháng là có căn cứ, đúng pháp luật. Trước khi xét xử phúc thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp toàn bộ số tiền còn lại theo bản án đã tuyên. Do vậy không có cơ sở tăng hình phạt và chuyển giam đối với bị cáo T như yêu cầu kháng cáo của bị hại.

Xét kháng cáo của bị hại cho rằng những người làm chứng đổ oan cho bị hại, làm chứng không đúng sự thật, Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình điều tra tại cấp sơ thẩm, cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai, các nhân chứng đều

khai báo trung thực những tình tiết mà mình biết, chứng kiến, có cam đoan về lời khai làm chứng của mình. Xét quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai người làm chứng theo đúng trình tự, thủ tục luật định, do vậy, không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của bị hại cho rằng lời khai của những người làm chứng là không đúng sự thật.

Xét kháng cáo đòi tăng mức bồi thường thiệt hại lên 500.000.000 đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi bị cáo gây thương tích, bị hại đã đi điều trị tại Bệnh viện huyện L 08 ngày, cấp sơ thẩm đã chấp nhận các chi phí hợp lý như:

- Tiền thuốc, tiền viện phí: 1.675.900 đồng
- Tiền khám bệnh: 134.750 đồng
- Tiền đi lại: 1.600.000 đồng
- Tiền ăn uống: 960.000 đồng
- Tiền bó lá: 5.000.000 đồng
- Tiền mất thu nhập: 6.000.000 đồng
- Tiền người chăm sóc: 1.600.000đ
- Thiệt hại tổn thất tinh thần: 7.450.000 đồng

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường là 24.420.650 đồng

Xét việc bị hại bị tổn hại sức khỏe so với trước khi bị thương tích, nên cũng phần nào ảnh hưởng đến tâm lý, tinh thần, tuy nhiên cấp sơ thẩm tính khoản tiền tổn hại sức khỏe tinh thần cho bị hại 05 tháng lương tối thiểu là chưa phù hợp. Do vậy hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu này của người bị hại, tăng mức tổn thất tinh thần là 10 tháng lương cơ sở.

05 tháng X 1.490.000 đồng = 7.450.000 đồng.

Tổng số tiền bị cáo phải bồi thường cho bị hại là:

(24.420.650 đồng + 7.450.000 đồng) = 31.870.650 đồng

Xét việc bị hại cho rằng không nhất trí việc bồi thường thiệt hại 8.173.275 đồng cho bị cáo. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong lúc xô sát do bức tức và bị đau, nên khi đó bị hại trên tay cầm sẵn roi bằng thân cây mây, đầu tay cầm được cuộn tròn, một đầu có nhiều gai nhỏ, vệt trúng đầu, bàn tay trái của bị cáo, gây tổn thương cơ thể của bị cáo là 02%.

Xét hành vi của bị hại gây thương tích cho bị cáo 2% sức khỏe, đây là do lỗi của bị hại gây ra đối với bị cáo, tại phiên tòa sau khi phân tích, giải thích, bị hại đã nhận ra lỗi của mình, do vậy bị hại phải có trách nhiệm bồi thường một phần do lỗi của mình gây ra thiệt hại theo quy định. Cấp sơ thẩm đã căn cứ chi

phí thực tế, hợp lý và đã chấp nhận các khoản gồm: (tiền thuốc men, chi phí khám chữa bệnh, tiền mất công thu nhập, tiền công người chăm sóc, tiền tổn thất tinh thần). Tổng cộng là 8.173.275 đồng.

Tuy nhiên trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị hại phải thanh toán tiền chi phí cứu chữa cho bị cáo trong cùng vụ án này là không chính xác, cần tách việc giải quyết thành một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu. Tuy nhiên bị cáo, bị hại không có ý kiến gì về phần nghĩa vụ bồi thường, đồng thời để ổn định bản án nên Hội đồng xét xử không đặt ra. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Do vậy, cần sửa bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình, về phần bồi thường.

[4] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm, đồng thời là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Nguyễn Thị B; Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 66/2021/HS-ST ngày 20/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hòa Bình. Cụ thể

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, s, i, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự. Điều 106, 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 584, 590 Bộ luật dân sự. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Tiến T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “ Cố ý gây thương tích ”. Thời gian thử thách 30 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Nguyễn Tiến T cho Ủy ban nhân dân xã M, thành phố H, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục trong thời hạn thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người

được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Tiến T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thị B -Tổng số tiền 31.870.650 đồng, được trừ 8.173.275 đồng. Còn phải bồi thường là 23.697.375 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn thi hành án, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Bị cáo không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án (30/3/2022)./

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh HB;
- TAND huyện L, HB;
- Chi cục THADS L, HB;
- UBND xã M, Tp.HB, HB;
- Bị cáo; Bị hại;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Mạnh Hùng